TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2024/DS - PT
Ngày 30 - 12 - 2024
"V/v Tranh chấp chia tài sản chung"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

***Các Thẩm phán*:** Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS - ST, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280/2024/QĐPT - DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A (theo Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024): Ông Lư Trường T, sinh năm 1989; nghề nghiệp Luật sư. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị T1: Luật sư Trần Thanh P, Văn phòng luật sư Trần Thanh P – Đoàn Luật sư thành phố C.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đoàn Thị P1, sinh năm 1930; địa chỉ: khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị P1:

3.1.1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.1.2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.1.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023): Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.1.4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.1.5. Ông Nguyễn Xuân M1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.1.6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.1.7. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.1.8. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023): Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Ông Nguyễn Xuân M1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.8. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.9. Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.10. Anh Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 31/12/2006;

Địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị N

Cùng địa chỉ: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.11. Ông Phan Văn N1, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A (có người đại diện theo ủy quyền là ông Lư Trường T) trình bày: Căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DSST ngày 20/4/2022 của Toà án nhân dân thị xã Long Mỹ đã có hiệu

lực pháp luật phần quyết định đã nêu "Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn A để xác định phần quyền của mình trong phần đất có diện tích 5.434,2m^2 khi bà L1, bà M, ông A có yêu cầu". Nay nguyên đơn có yêu cầu xác định phần quyền tài sản của nguyên đơn trong phần diện tích 5.434,2m^2 tại thửa 33 toạ lạc tại ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang theo Bản đồ địa chính số 54/SHC ngày 07/9/2021 của Công ty TNHH Đ (có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 04/10/2021) và Mảnh trích đo địa chính số 87/CHK ngày 05/8/2024 của Công ty cổ phần Đ1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu nhận đất phần diện tích đất được ghi chú (I), diện tích 1.087m2. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A đồng ý nhận phần đất được ghi chú (II), diện tích 1.087m2 của bà Nguyễn Thị M nhường cho nguyên đơn. Không yêu cầu tính công sức đóng góp đối với vợ và các con gồm bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng K, anh Nguyễn Hoàng T2.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 (có người đại diện theo uỷ quyền là anh Tô Minh S) trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M thì phía bị đơn không đồng ý vì phần đất của bị đơn được cha mẹ cho, thể hiện ý chí của cha mẹ khi còn sống, đồng thời theo văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân thị xã L thì phần đất gốc cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P2 là không đúng đối tượng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M.

Đây là tranh chấp trong nội bộ thân tộc gia đình, ngoài vụ án tranh chấp này thì các bên còn tranh chấp các vụ án khác, cụ thể là vụ án bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện ông Nguyễn Văn C; vụ án bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện ông Nguyễn Văn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác cũng liên quan đến các phần đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn P2, hiện do Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ giải quyết. Do đó, để tránh việc tiếp tục tranh chấp, nếu nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị M rút yêu cầu độc lập đối với vụ án này thì các vụ án khác bà L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập. Bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị T1 sẽ tự thỏa thuận phân chia đối với phần đất có diện tích 5.434,2m^2 đang tranh chấp trong vụ án này mà không tiếp tục yêu cầu các phần đất khác. Nếu ông Nguyễn Văn A vẫn tiếp tục khởi kiện, bà Nguyễn Thị M vẫn yêu cầu độc lập thì đề nghị Hội đồng xét

xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị M có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn A trình bày: Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DSST ngày 20/4/2022 của Toà án nhân dân thị xã Long Mỹ đã có hiệu lực pháp luật phần quyết định đã nêu "Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn A để xác định phần quyền của mình trong phần đất có diện tích 5.434,2m^2 khi bà L1, bà M, ông A có yêu cầu". Nay bà M có yêu cầu xác định phần quyền tài sản của bà M trong phần diện tích 5.434,2m^2. Bà M đồng ý nhận phần đất được ghi chú (II), diện tích 1.087m^2. Phần bà Nguyễn Thị M được nhận đồng ý nhường cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn A.

Ông Nguyễn Văn C trình bày: Việc ông Nguyễn Văn A khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 là không đúng vì ông A đã được cha mẹ tặng cho nhiều phần đất khác nhau. Đối với phần đất có diện tích 5.434,2m^2 thì đề nghị bà T1 và bà L1 tự thỏa thuận phân chia đất. Ông Nguyễn Văn C không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Đối với vụ án tranh chấp của ông Nguyễn Văn A khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 thì bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản tranh chấp vì bà L đã có gia đình riêng, không còn liên quan đến tài sản tranh chấp. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị C1 trình bày: Đối với vụ án tranh chấp của ông Nguyễn Văn A khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 thì bà C1 có ý kiến là cha mẹ đã cho đất ai thì người đó được hưởng. Bà C1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp.

Ông Nguyễn Xuân M1 trình bày: Đối với vụ án tranh chấp của ông Nguyễn Văn A khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 thì ông M1 không có ý kiến hay yêu cầu gì. Ông M1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp.

Ông Phan Văn N1 trình bày: Ông N1 là chồng của bà Nguyễn Thị T1. Vào năm 2011 thì ông P2 và bà P1 có tặng cho phần đất theo đo đạc thực tế có diện

tích 5.434,2m^2 cho bà Nguyễn Thị T1. Sau khi nhận đất thì giai đoạn 2011-2016 bà T1 có cho ông Nguyễn Văn A mượn canh tác đất để nuôi cha mẹ. Đến năm 2016, ông A có ý định kêu người khác cầm cố đất nhưng bà T1 không đồng ý nên lấy lại đất sử dụng đến nay. Theo Bản tự khai ngày 29/7/2024, ông Phan Văn N1 có yêu cầu tính công sức bồi đắp làm tăng diện tích đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Văn N1 không có yêu cầu gì trong vụ án này, để bà T1 toàn quyền quyết định. Ông N1 cũng thống nhất với ý kiến của bà T1 (có người đại diện anh S) trình bày tại phiên tòa, nếu nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị M rút yêu cầu độc lập đối với vụ án này thì các vụ án khác bà L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập. Bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị T1 sẽ tự thỏa thuận phân chia đối với phần đất có diện tích 5.434,2m^2 đang tranh chấp trong vụ án này mà không tiếp tục yêu cầu các phần đất khác.

Bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng K, anh Nguyễn Hoàng T2 cùng trình bày: Thống nhất với ý kiến ông Nguyễn Văn A, đồng ý tất cả quyết định của ông Nguyễn Văn A. Bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng K, anh Nguyễn Hoàng T2 yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 58/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình đối với phần đất theo đo đạc thực tế là 5434,2m^2 và yêu cầu nhận phần đất có diện tích 1.087m2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu phân chia tài sản chung hộ gia đình đối với phần đất theo đo đạc thực tế là 5434,2m^2, nhận phần đất 1.087m^2 sau đó nhường phần được nhận cho ông Nguyễn Văn A.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 58/2024/DS-ST, ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang với nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Luật sư phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị T1 cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị M giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhận định cụ Nguyễn Văn P2 đã định đoạt diện tích đất tại thửa số 33 (có sự chấp nhận của cụ Đoàn Thị P1) cho bị đơn bà Nguyễn Thị T1. Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị M khởi kiện đòi chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình là không có cơ sở để xem xét. Bà Nguyễn Thị T1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của bà Nguyễn Thị T1. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A có yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị M có yêu cầu độc lập phân chia phần đất là tài sản chung hộ gia đình. Tòa án thị xã L, tỉnh Hậu Giang thụ lý vụ án "Tranh chấp phân chia tài sản chung hộ gia đình" đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục kháng cáo*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Trước đây, bà Đoàn Thị P1 đã có yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T1 tranh chấp phần đất nêu trên. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giải quyết theo Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 20/4/2022. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo, nhưng bà Nguyễn Thị T1 đã tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự theo Quyết định 105/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022. Do đó, Bản án sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 có hiệu lực pháp luật. Theo nội dung Bản án nêu trên quyết định "Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử

dụng đất lập ngày 14/7/2011 (phần của bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn A); "Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn A để xác định phần quyền của mình trong phần đất có diện tích 5.434,2m^2 khi bà L1, bà M, ông A có yêu cầu". Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 không giải quyết hậu quả khi hủy hợp đồng.

Các đương sự đều thống nhất, phần đất có nguồn gốc do cha mẹ là cụ Nguyễn Văn P2 và cụ Đoàn Thị P1 tạo lập, sử dụng, đến ngày 20/11/1998 thì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00384.QSDĐ cho hộ cụ Nguyễn Văn P2. Ngày 14/7/2011 cụ P2 và cụ P1 đã tặng cho bà Nguyễn Thị T1, bà T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00768 ngày 22/8/2011 tại thửa 33. Tại Công văn số 4102/UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã L xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn P2 là chưa đúng đối tượng sử dụng đất, bởi vì cá nhân ông Nguyễn Văn P2 đi kê khai, đăng ký nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công nhận cho hộ cụ Nguyễn Văn P2. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M khởi kiện cho rằng phần đất có nguồn gốc là tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Văn P2 là không có cơ sở chấp nhận. Phần đất được cấp Giấy chứng nhận vào năm 1998 vào thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật, xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn P2 và cụ Đoàn Thị Phàn . Do đó, cụ P2 và cụ P1 có quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

Bà Nguyễn Thị T1 được cụ Nguyễn Văn P2 và cụ Đoàn Thị Phàn T3 cho đối với phần đất nêu trên, phù hợp với nguyện vọng với đa số các con của cụ P2 và cụ P1. Bà T1 đã nhận đất và sử dụng đất từ năm 2016, các anh chị em trong gia đình biết nhưng không phản đối, không có ý kiến, cụ P2 khi còn sống cũng không có ý kiến gì, sự việc chỉ phát sinh tranh chấp sau thời điểm cụ P2 chết.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A là con út trong gia đình cũng đã được cụ P2 và cụ P1 tặng cho và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các phần đất lúa diện tích 4407m^2, đất vườn diện tích 2585m^2, đất ở diện tích 390m^2 cũng thông qua giao dịch tặng cho. Như vậy, xét về quyền lợi của ông Nguyễn Văn A trong gia đình so với các anh chị khác đã được bảo đảm.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhận định về nguồn gốc đất và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị M là có cơ sở đúng với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình đối với phần đất theo đo đạc thực tế là 5434,2m^2 và yêu cầu nhận phần đất có diện tích 1.087m^2.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu phân chia tài sản chung hộ gia đình đối với phần đất theo

đo đạc thực tế là 5434,2m^2, nhận phần đất 1.087m^2 sau đó nhường phần được nhận cho ông Nguyễn Văn A.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí trích lục hồ sơ: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A đã thực hiện xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn A phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004533 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004751 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) ông đã nộp theo biên lai thu số 0007942 ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp theo biên lai thu số 0007941 ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng